

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương.
- Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Trúc D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 16, ấp 1, xã T, huyện C, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2023, Biên bản hòa giải không tiến hành phiên họp và hòa giải được ngày 17/4/2023, chị Trần Thị Trúc D là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2010 tại UBND phường 3, thành phố C.

Khi sống chung vợ chồng hay xảy ra tranh cãi do bất đồng trong quan điểm sống. Trước đây anh H thường tụ tập bạn bè đi chơi không chăm lo gia đình. Khoảng năm 2017, anh H bị Tòa án nhân dân thành phố C xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị kết án hơn 02 năm tù. Sau khi chấp hành hình phạt tù xong thì anh H vẫn không thay đổi, thường tụ tập bạn bè đi chơi, không lo làm ăn. Chị D có tìm cách khuyên can, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Khoảng 05 tháng nay, chị D và anh H không còn chung sống. Do nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, nay chị D yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/11/2008 và Nguyễn Ngọc Như H1, sinh ngày 22/11/2015. Hiện nay chị D đang nuôi dưỡng cháu H1, anh H đang nuôi dưỡng cháu P. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; chị D đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi khởi kiện, chị D yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp 4, xã Ba Sao, huyện C, tỉnh Đ; thửa 25, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Đ và căn nhà gắn liền với đất. Tuy nhiên, nay chị D xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, để tự thỏa thuận với anh H. Trường hợp không thỏa thuận được thì chị D sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị Trúc D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, địa chỉ của anh Nguyễn Thanh H là bị đơn tại xã T, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Chị D và anh H tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng vào năm 2007 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố C, tỉnh Đ. Tuy nhiên hôn nhân giữa chị D và anh H là tự nguyện, hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo chị

D trình bày thì khi sống chung, vợ chồng hay xảy ra tranh cãi do bất đồng quan điểm sống. Trước đây anh H thường tụ tập bạn bè đi chơi không chăm lo gia đình. Khoảng năm 2017, anh H bị Tòa án nhân dân thành phố C xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị kết án hơn 02 năm tù. Sau khi chấp hành hình phạt tù xong thì anh H vẫn không thay đổi, thường tụ tập bạn bè đi chơi, không lo làm ăn. chị D có tìm cách khuyên can, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Khoảng 05 tháng nay, chị D và anh H không còn chung sống. Do nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên chị D yêu cầu ly hôn với anh H. Về phía anh H là bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị D. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh H là đã trầm trọng như chị D trình bày là đúng. Hiện nay chị D và anh H không còn chung sống, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về nuôi con: Căn cứ vào lời trình bày của chị D và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị D và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/11/2008 và Nguyễn Ngọc Như H1, sinh ngày 22/11/2015. Hiện nay chị D đang nuôi dưỡng cháu H1, anh H đang nuôi dưỡng cháu P. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, hiện cháu H1 đang chung sống với mẹ ổn định, cháu P cũng đang chung sống với anh H ổn định. Anh H biết đề nghị của chị D về việc thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nhưng không có ý kiến. Bên cạnh đó, cháu P có nguyện vọng sống với anh H, cháu H1 có nguyện vọng sống với chị D. Do đó, khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu P là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên chấp nhận. Chị D, anh H không trực tiếp nuôi con chung còn lại nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D được tiếp tục nuôi cháu H1 sau khi ly hôn nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh H được tiếp tục nuôi cháu P sau khi ly hôn nhưng không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp chị D, anh H có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Khi khởi kiện thì chị D có yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị D đề nghị được tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của chị D.

[7] Về nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị D

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp. Căn cứ quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 218, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 8, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con: Chị Trần Thị Trúc D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như H1, sinh ngày 22/11/2015. Anh Nguyễn Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 21/11/2008. Chị Trần Thị Trúc D và anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Trúc D và anh Nguyễn Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Trần Thị Trúc D về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Trúc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị Trúc D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000243 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

- Trả lại cho chị Trần Thị Trúc D số tiền tạm ứng án phí về chia tài sản khi ly hôn đã nộp là 1.720.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000244 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. C;
- CC THADS H. C;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND P.3, TP. C;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương Thảo